

Số: 135/KH-MNMT

Mỹ Lộc, ngày 29 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2025-2026

Căn cứ nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ công văn số 927/SGDDĐT-TC ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Hướng dẫn số 758/SGDDĐT-GDMN ngày 10/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Căn cứ vào công văn số 1635/UBND-VHXXH ngày 27/9/2025 của UBND phường Mỹ Lộc về việc tăng cường công tác quản lý thu chi tài chính năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 606/SGDDĐT-CTHSSV ngày 25/8/2025 của Sở giáo dục và đào tạo Ninh Bình về việc triển khai ứng dụng liên lạc điện tử kết nối giữa gia đình và nhà trường.

Căn cứ công văn số 269/QĐ-TTKD NĐ-ĐHNV ngày 1/08/2025 về việc áp dụng chính sách ứng dụng kết nối phụ huynh và nhà trường (App VnEdu connect).

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 của nhà trường. Trường Mầm non Mỹ Thịnh xây dựng kế hoạch thu chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Dự kiến số trẻ đến trường trung bình trong năm học

STT	Tên lớp	Số lớp	Số trẻ	Số trẻ đi học ngày thứ bảy
1	Nhóm trẻ 24 – 36 tháng	2	40	24
2	Lớp 3 - 4 tuổi	2	54	34

STT	Tên lớp	Số lớp	Số trẻ	Số trẻ đi học ngày thứ bảy
3	Lớp 4 - 5 tuổi	2	68	32
4	Lớp 5 - 6 tuổi	3	71	33
	Cộng	9	233	123

III. Thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

1. Tiền nước uống cho học sinh

1.1. Mức thu:

Mức thu tiền nước uống cho học sinh là: 10.000 đồng/trẻ/tháng - thu định kì hàng tháng theo số tháng thực học.

1.2. Dự kiến thu:

- 233 trẻ x 10.000 đồng/trẻ/tháng x 9 tháng = 20.970.000 đồng.

1.3. Dự toán chi: 20.970.000 đồng. Cụ thể:

+ Trả công thuê người đun nước uống: 450.000 đồng/tháng x 9 tháng: 4.050.000 đồng
 + Mua ga đun nước : 12.500.000 đồng
 + Kiểm nghiệm nguồn nước: 2 lần/năm x 600.000đồng/lần: 1.200.000 đồng
 + Thay lõi lọc định kì, sửa chữa, bảo dưỡng máy lọc nước, 3.220.000 đồng
 bổ sung ca cốc, bình đựng nước:

2. Tiền chăm sóc trẻ ngày thứ bảy

2.1. Mức thu:

Mức thu tiền chăm sóc trẻ ngày thứ bảy là: 30.000 đồng/trẻ/ngày - thu định kì hàng tháng theo số ngày thực đi.

2.2. Dự kiến thu: 123 trẻ x 30.000 đồng x 39 ngày = 143.910.000 đồng

2.3. Dự toán chi: 143.910.000 đồng. Cụ thể:

- Nộp thuế TNCN (2% x 143.910.000 đồng): 2.878.200 đồng
 - Kinh phí còn lại sau nộp thuế: 141.031.800 đồng

Trong đó:

+ Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (70%) 98.722.260 đồng
 + Chi cho BQL dạy thêm học thêm (15%): 21.154.770 đồng
 + Chi điện, nước, sửa chữa CSVN (15%): 21.154.770 đồng

3. Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh trong trường

3.1. Mức thu:

Mức thu tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh trong trường của 01 trẻ là: 18.000 đồng/trẻ/tháng – thu định kì hàng tháng theo số tháng thực học.

3.2. *Dự kiến thu*: 233 trẻ x 18.000 đồng x 9 tháng = 37.746.000 đồng.

3.3. *Dự toán chi*: 37.746.000 đồng. Cụ thể:

- Trả công người lao động thực hiện vệ sinh trong trường: 9.000.000 đồng
(1.000.000 đồng/tháng x 9 tháng)
- Trả công thu gom rác hàng ngày : 5.394.600 đồng
- Mua công cụ, dụng cụ lao động, hóa chất,...: 23.351.400 đồng

4. Dịch vụ trả công thuê người nấu ăn bán trú:

4.1. *Mức thu*:

Mức thu tiền công thuê người nấu ăn bán trú: 100.000 đồng/trẻ/tháng - thu định kì hàng tháng theo số tháng thực nuôi ăn bán trú.

4.2. *Dự kiến thu*: 233 trẻ x 100.000 đồng x 9 tháng = 209.700.000 đồng.

4.3. *Dự toán chi*: 209.700.000 đồng. Cụ thể:

- Chi tiền công thuê người nấu ăn bán trú (bao gồm các khoản đóng góp bảo hiểm theo quy định của pháp luật): Tổng thu theo số trẻ thực tế đi trong tháng chia đều cho các nhân viên nấu ăn.

5. Dịch vụ quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính:

5.1. *Mức thu*:

Mức thu tiền chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính là: 6.000 đồng/trẻ/ngày - thu định kì hàng tháng theo số ngày thực tế nuôi ăn bán trú.

5.2. *Dự kiến thu*: 233 trẻ x 6.000 đồng x 26 ngày/tháng x 9 tháng = 320.112.000 đồng.

5.3. *Dự toán chi*: 327.132.000 đồng: chi trả cho giáo viên trực tiếp chăm sóc, công tác quản lý buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính. Cụ thể:

- Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (80%): 261.705.600 đồng
- Chi công tác quản lý (20%): 65.426.400 đồng

6. Dịch vụ ăn bán trú:

6.1. *Mức thu*:

- Mức thu dịch vụ ăn bán trú là: 24.000 đồng /trẻ/ngày - thu định kì hàng tháng theo số ngày thực tế ăn bán trú. Trong đó tiền ăn bán trú là 22.000 đồng/trẻ/ngày tiền chất đốt và phụ phí là 2.000 đồng/trẻ/ngày

6.2. *Dự kiến thu*: $233 \text{ trẻ} \times 24.000 \text{ đồng/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 9 \text{ tháng} = 1.308.528.000 \text{ đồng}$.

6.3. *Dự toán chi*: 1.308.528.000 đồng. Cụ thể:

- Chi mua thực phẩm theo khẩu phần: 1.199.484.000 đồng
- Chi mua chất đốt và các phụ phí khác: 109.044.000 đồng

7. Ứng dụng vnEdu Connect- Sổ liên lạc điện tử

7.1. *Mức thu*: 50.000 đồng/trẻ/năm học – theo báo giá của Trung tâm kinh doanh VNPT Vinaphone

7.2. *Dự kiến thu*: Thu theo số lượng trẻ đăng kí trên nguyên tắc tự nguyện.
 $233 \text{ trẻ} \times 50.000 \text{ đồng/trẻ} = 11.650.000 \text{ đồng}$

7.3. *Dự toán chi*: Nộp toàn bộ số tiền thu được của trẻ đăng kí là 11.650.000 đồng về Trung tâm kinh doanh VNPT Vinaphone

IV. Công tác thu qua tài khoản ngân hàng:

Nhà trường triển khai thu qua tài khoản ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh Mỹ Lộc qua số tài khoản 3210201007181.

V. Công khai các khoản thu

Nhà trường thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định tại: Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 19/2005/TT - BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Việc công khai được thực hiện bằng hình thức công khai trên trang thông tin điện tử của trường.

VI. Công tác chỉ đạo quản lý

- Nhân viên kế toán thực hiện nghiêm túc các quy trình, thủ tục và mở đủ, đúng hệ thống sổ sách thu chi tài chính theo đúng quy định của Nhà nước. Hiệu

trưởng nhà trường chịu trách nhiệm điều hành, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Bộ phận tài vụ có trách nhiệm tiến hành thu và quản lý thu theo đúng kế hoạch.

Trên đây là kế hoạch thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025 – 2026 của trường mầm non Mỹ Thịnh.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lộc;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

 **HIỆU TRƯỞNG**
TRƯỜNG
MẦM NON
MỸ THỊNH
Trần Thị Phương